



VN-Index tăng 0,7%, vượt 1.600 điểm

Ngày báo cáo 12/08/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 0,7%, vượt 1.600 điểm

VN-Index tăng 0,7% (+11,4 điểm), khép phiên tại 1.608,2 điểm. Chỉ số đã tăng điểm trong bảy phiên giao dịch liên tiếp, đồng thời tiếp tục đạt các mức cao mới. Toàn sàn ghi nhận 163 mã tăng, 156 mã giảm và 53 mã đi ngang. Thanh khoản đi ngang so với phiên trước, đạt 45,4 nghìn tỷ đồng.

- Ngân hàng: BID (+3,2%), LPB (+6,3%) và HDB (+3,6%) tăng mạnh, còn TCB (-0,1%) và ACB (-0,6%) giảm nhẹ.
- Bất động sản: Các mã KDH (+6,9%) và PDR (+5,3%) tăng mạnh, BCM (+1,1%) và VRE (+0,3%) tăng nhẹ, trong khi VHM (-0,5%) và NVL (-1,6%) giảm điểm.
- Hàng tiêu dùng: Các cổ phiếu trong ngành này như MSN (+1,9%), VNM (+0,5%), PNJ (+1,2%) và VHC (+1,4%) đều ghi nhận mức tăng vững chắc.
- Các mã tăng đáng chú ý từ các ngành khác: Nhà sản xuất thép HPG (+1,2%), công ty công nghệ FPT (+1,0%), công ty tiện ích POW (+6,9%), hãng hàng không VJC (+2,4%), công ty công nghiệp VGC (+6,9%) và công ty dầu khí BSR (+3,6%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- MSN: Doanh thu của WCM tháng 7/2025 đạt mức tăng trưởng mạnh nhất từ đầu năm đến nay
- PC1: HĐKD 6T 2025 ổn định, khả năng điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận, dù cần thêm đánh giá chi tiết
- PVS: PVS - LSEE hợp tác phát triển nhà máy sản xuất cáp ngầm cao thế đầu tiên tại Việt Nam, dấu mốc cho dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi trị giá 10 tỷ USD sang Singapore
- FPT: Điều chỉnh giảm kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 xuống 18-19% YoY do mảng CNTT nước ngoài giảm tốc - Báo cáo Gặp gỡ NĐT
- KDH: Mở bán Gladia dự kiến vào tháng 9 kỳ vọng thúc đẩy doanh số bán hàng và lợi nhuận nửa cuối năm 2025 - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1608,2	276,5	109,2
% Δ	0,7%	0,0%	-0,1%
- % Δ 1 tuần	3,9%	3,9%	1,6%
- % YTD	27,0%	21,6%	14,9%
- % YOY	30,7%	19,8%	17,4%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.733,4	\$119,5	\$63,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.631,1	\$136,5	\$53,6
- TB 1 năm (triệu)	\$766,6	\$52,4	\$32,6
- TB QTD	\$1.464,8	\$119,9	\$51,5
- % TB QTD/TB quý gần nhất	73,5%	119,9%	61,5%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$126,5	\$2,9	\$0,6
- Bán (triệu)	\$152,8	\$3,6	\$1,3
- GT ròng (triệu)	-\$26,4	-\$0,7	-\$0,8
Độ rộng TT			
Mã tăng	189	91	184
Mã giảm	158	84	174
Không đổi	67	134	568
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	266,6	15,9	57,7
P/E trượt 12T	14,6	25,2	16,2
LS cổ tức*	2,5%	3,7%	4,9%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
41IF8000	1.749,4	54.583	1481,9
VN30F2509	1.737,9	4.877	7,6
VN30F2512	1.724,6	554	0,6
41IG3000	1.722,0	114	0,7
USD/VND			26.226

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Báo cáo trong ngày

- Báo cáo Vĩ mô: Kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao kỷ lục nhờ hoạt động bổ sung hàng trước gia tăng
- Báo cáo Ngành Thép: Chính sách “chống cạnh tranh tiêu cực” (anti-involution) của Trung Quốc sẽ thúc đẩy sự phục hồi của toàn ngành thép

Quan điểm kỹ thuật

Đà tăng ổn định và chưa xuất hiện áp lực bán đột biến ở các nhóm ngành chủ đạo sẽ giúp VN-Index tiếp tục vận động về vùng 1.610-1.620 điểm trong ngày mai với hỗ trợ trong ngày quanh 1.595-1.600 điểm. Dự báo nhóm ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục dẫn dắt chỉ số VN-Index về vùng giá cao và nhiều khả năng cũng có sự xuất hiện trở lại của các cổ phiếu Chứng khoán.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

MSN: Doanh thu của WCM tháng 7/2025 đạt mức tăng trưởng mạnh nhất từ đầu năm đến nay

* **Doanh thu:** Doanh thu thuần tháng 7/2025 đạt 3.486 tỷ đồng, tăng 23,0% YoY. Trong 7T 2025, doanh số tăng 14,8% YoY (tăng trưởng LFL +7,6% YoY) đạt 21,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 60% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả tháng 7 đánh dấu mức tăng trưởng so với cùng kỳ mạnh nhất từ đầu năm đến nay.

* **Cửa hàng mới:** WCM duy trì tốc độ mở rộng nhanh chóng, đạt tổng cộng 4.182 cửa hàng trên toàn quốc. WCM đã mở 354 cửa hàng mới trong 7T 2025, trong đó có 36 cửa hàng mới trong tháng 7, vượt dự báo cả năm của chúng tôi là 300 cửa hàng và nằm trong phạm vi trong kế hoạch của ban lãnh đạo là 400-700 cửa hàng. Khoảng 75% số cửa hàng mới được mở theo mô hình WinMart+ khu vực nông thôn, với khu vực miền Trung đóng góp 175 cửa hàng (50% tổng số). Nhìn chung, các cửa hàng này đã đóng góp tích cực vào lợi nhuận. Với tăng trưởng LFL cao hơn và tỷ lệ hao hụt thấp hơn so với các mô hình ở thành thị, mô hình nông thôn dự kiến sẽ thúc đẩy tăng trưởng và lợi nhuận của WCM trong tương lai.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với MSN với giá mục tiêu là 101.200 đồng/cổ phiếu.

PC1: HĐKD 6T 2025 ổn định, khả năng điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận, dù cần thêm đánh giá chi tiết

* **CTCP Tập Đoàn PC1 (PC1) chia sẻ về HĐKD ổn định trong 6T 2025 và triển vọng với** (1) lượng backlog cao nhất từ trước đến nay trong mảng xây lắp điện, (2) kết quả doanh số cho thuê đất KCN hiện tại và kế hoạch khởi công 4 KCN mới, và (3) các dự án khu dân cư đang được triển khai với sự chấp thuận thí điểm. Điều này củng cố kỳ vọng của chúng tôi rằng PC1 sẽ hưởng lợi từ các diễn biến tích cực gần đây trong lĩnh vực KCN (tính bất định về thuế quan đã giảm bớt), điện gió (giá mới cao vượt kỳ vọng) và các dự án khu dân cư (phê duyệt thí điểm). Hiện chúng tôi có khuyến nghị KHẢ QUAN đối với PC1 với giá mục tiêu là 31.100 đồng/cổ phiếu.

1. Xây lắp điện: Lượng backlog cao nhất được ghi nhận đạt 8 nghìn tỷ đồng vào cuối quý 2 (giá trị hợp đồng mới được ký trong 6T 2025 đạt 3,3 nghìn tỷ đồng, +24% YoY), được thúc đẩy bởi công việc từ cả trong nước (đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên, cáp ngầm Côn Đảo) và nước ngoài (dự án điện gió tại Philippines). Điều này hỗ trợ dự phóng doanh thu của chúng tôi là 4,8/7,5 nghìn tỷ đồng cho các năm 2025/26.

2. Sản xuất điện: Doanh thu thủy điện 6T 2025 đạt 306 tỷ đồng (-23% YoY, sản lượng điện thương phẩm -15% YoY), doanh thu điện gió đạt 481 tỷ đồng (+3% YoY, sản lượng điện thương phẩm +11% YoY), phù hợp với dự báo của chúng tôi. PC1 đang tiến hành nghiên cứu khả thi cho dự án điện mặt trời nổi 50MW tại nhà máy thủy điện Trung Thu, tương tự như REE, hỗ trợ dự báo của chúng tôi về đóng góp doanh thu từ xây lắp điện mặt trời nổi từ năm 2028 trở đi.

3. Khu công nghiệp: Công ty liên kết Western Pacific mà PC1 sở hữu 30% mang lại LNST 6T 2025 khả quan 231 tỷ đồng. Các KCN Nomura 2/Yên Lu/Đồng Văn 5/Đồng Văn 6 dự kiến khởi công vào quý 4/2025, hỗ trợ dự phóng bàn giao đất của chúng tôi lần lượt vào các năm 2026/26/27/28. PC1 đang chuẩn bị để xuất đầu tư cho một KCN tại Vũng Tàu.

4. Bất động sản nhà ở: PC1 kỳ vọng sẽ ghi nhận khoảng 1,4 nghìn tỷ đồng doanh thu từ dự án Tháp Vàng trong nửa cuối năm 2025, có khả năng vượt dự phóng doanh thu của chúng tôi là 750/750 tỷ đồng cho các năm 2025/26. PC1 cũng đang xin phê duyệt đầu tư cho các dự án khu dân cư Gia Lâm, Bắc Từ Liêm, Vĩnh Hưng sau khi nhận được phê duyệt thí điểm vào tháng 4.

5. Niken: PC1 kỳ vọng sẽ đạt hoặc vượt mục tiêu doanh thu niken năm 2025 là 1-1,2 nghìn tỷ đồng (sản lượng bán hàng 53.000 tấn), nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi.

PVS: PVS - LSEE hợp tác phát triển nhà máy sản xuất cáp ngầm cao thế đầu tiên tại Việt Nam, dấu mốc cho dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi trị giá 10 tỷ USD sang Singapore

* Vào ngày 11/08/2025, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) và LS Eco Energy Ltd. (LSEE) đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Phát triển Chung (JDA) nhằm hợp tác đầu tư, xây dựng, phát triển và vận hành nhà máy sản xuất cáp ngầm cao thế tại Việt Nam. LSEE là thành viên của LS Cable & System (Hàn Quốc) – một trong những nhà sản xuất cáp điện cao thế hàng đầu thế giới. Nhà máy sẽ sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ trực tiếp cho các dự án năng lượng tái tạo trong nước, khu vực và thị trường toàn cầu. PVS dự kiến vốn đầu tư XD/CB cho dự án này sẽ ở mức 40 triệu USD; tỷ lệ sở hữu tiềm năng của PVS hiện chưa được công bố.

* Chúng tôi đánh giá đây là bước đi then chốt để triển khai dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi trị giá 10 tỷ USD nói trên, bởi cáp ngầm là một trong những hạng mục kỹ thuật phức tạp nhất của dự án quy mô lớn này.

* Tóm lược: Tại ĐHCĐ tháng 5, Tổng Giám đốc PVS cho biết dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi sang Singapore có thể trở thành động lực tăng trưởng trong nhiều thập kỷ cho PVS, với tiềm năng lớn gấp đôi dự án Lô B. PVS nhấn mạnh nếu triển khai thành công, dự án có thể sẽ mang lại doanh thu và lợi nhuận ổn định trong vòng 30–50 năm, đánh dấu một động lực tăng trưởng dài hạn, bền vững và mang tính bước ngoặt.

- Ban đầu, dự án chỉ dự kiến cung cấp điện cho Singapore, nhưng hiện đã mở rộng sang Malaysia từ tháng 5/2025.

- PVS cho biết tổng quy mô giai đoạn 1 của dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi của Việt Nam được ước tính ở mức tối thiểu 10 tỷ USD (giai đoạn 1), bao gồm 3 hạng mục chính: (1) Trang trại điện gió ngoài khơi công suất trên 2.000 MW tại Việt Nam; (2) Hệ thống cáp ngầm truyền tải điện nối Việt Nam với Malaysia và Singapore; và (3) Các trạm biến áp ngoài khơi tại Việt Nam và Singapore. Thời điểm vận hành thương mại (COD) dự kiến sẽ rơi vào năm 2033; dự án hiện đang trong giai đoạn thực hiện nghiên cứu khả thi với mục tiêu hoàn tất vào năm 2026, sau đó sẽ đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào năm 2027.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với PVS với giá mục tiêu là 41.600 đồng/cổ phiếu.

FPT: Điều chỉnh giảm kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 xuống 18-19% YoY do mảng CNTT nước ngoài giảm tốc - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

1. Kế hoạch năm 2025:

* Ban lãnh đạo đưa ra kế hoạch theo kịch bản cơ sở mới với tăng trưởng doanh thu là 15% YoY và tăng trưởng lợi nhuận là 18%-19% YoY - thấp hơn so với mục tiêu tại ĐHCĐ là tăng trưởng doanh thu 20% YoY và tăng trưởng LNTT 21% YoY.

2. CNTT nước ngoài:

* **Tăng trưởng doanh thu giảm tốc trong quý 2/2025:** Ban lãnh đạo cho rằng sự giảm tốc chủ yếu do thuế quan làm trì hoãn chi tiêu CNTT của khách hàng, cùng với quy mô hợp đồng nhỏ hơn do khách hàng yêu cầu được hưởng lợi từ việc áp dụng AI. Khu vực APAC (đặc biệt là Singapore và Hàn Quốc) ghi nhận đà giảm tốc sâu nhất do tính nhạy cảm với nền kinh tế toàn cầu.

* **Biên lợi nhuận:** Doanh thu từ dịch vụ cho thuê GPU (GPUaaS) tại Nhật Bản được ghi nhận trong mảng dịch vụ CNTT nước ngoài. Biên lợi nhuận LNTT của các dịch vụ CNTT nước ngoài thông thường vẫn ổn định, nhưng biên lợi nhuận LNTT chung của mảng CNTT nước ngoài đã giảm 0,4 điểm % YoY trong quý 2/2025 do chi phí thuê trung tâm dữ liệu và chi phí khấu hao từ dự án nhà máy AI tại Nhật Bản đang có hiệu suất sử dụng thấp.

* **Triển vọng:** Ban lãnh đạo vẫn chưa khẳng định được liệu kết quả quý 2 đã chạm đáy hay chưa do việc chốt thuế quan vẫn chưa hoàn tất. Tuy nhiên, FPT đã ghi nhận những dấu hiệu phục hồi ban đầu về giá trị hợp đồng ký mới trong tháng 7 và kỳ vọng những cải thiện hơn nữa trong nửa cuối năm 2025.

*** Nhân sự và chế độ lương:**

- Ban lãnh đạo xem việc giảm 497 nhân viên trong quý 2/2025 là tạm thời do mảng CNTT nước ngoài còn yếu.

- FPT đã cơ cấu lại đội ngũ nhân sự với nhiều kỹ sư cao cấp và nhân viên chưa nhiều kinh nghiệm nhưng có kỹ năng AI. Ngoài ra, FPT đưa ra kế hoạch tăng lương cho kỹ sư ở mức một chữ số so với cùng kỳ, phù hợp với tỷ lệ lạm phát của Việt Nam.

* **Doanh thu liên quan đến AI của FPT** tăng 75% YoY, đạt 50 triệu USD trong 6T 2025.

3. CNTT trong nước:

* Trong 7T 2025, doanh thu CNTT trong nước đã ghi nhận tăng trưởng dương so với cùng kỳ.

* Trong những năm tới, FPT nhận thấy tiềm năng của nhu cầu chuyển đổi số, đặc biệt là từ khu vực công, ngân hàng và tài chính, và các doanh nghiệp quốc doanh lớn.

4. Mảng kinh doanh nhà máy AI:

* **Hiệu suất sử dụng tại các nhà máy AI ở Việt Nam và Nhật Bản hiện dưới 10%**, với nhu cầu yếu hơn dự kiến do những bất ổn trong kinh tế vĩ mô. Tại Nhật Bản, các cuộc thương lượng có xu hướng kéo dài hơn do quá trình thẩm định kỹ lưỡng của khách hàng. Do đó, ban lãnh đạo nhận thấy rủi ro không đạt được mục tiêu tổng doanh thu năm 2025 là 30-40 triệu USD cho mảng kinh doanh nhà máy AI ở Nhật Bản và Việt Nam, nhưng kỳ vọng nhu cầu sẽ cải thiện vào năm 2026.

* **FPT không có kế hoạch đầu tư nhà máy AI mới cho năm 2025** do kết quả hoạt động hiện tại chưa đạt kỳ vọng.

5. Viễn thông:

* **Tăng trưởng doanh thu băng thông rộng trong 6T 2025** chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) tăng trưởng số lượng thuê bao và (2) phí thuê bao cao hơn đối với khách hàng mới. Tăng trưởng số lượng thuê bao được hỗ trợ bởi (1) số lượng hộ gia đình trẻ ngày càng mở rộng khi nhiều cặp vợ chồng trẻ sống riêng sau khi kết hôn, và (2) gia tăng thị phần thông qua dịch vụ khách hàng vượt

trội của FPT và các gói cước thiết kế cho những phân khúc khách hàng bao gồm những người sáng tạo nội dung và game thủ.

*** Về việc chuyển nhượng cổ phần của CTCP Viễn thông FPT (FPT Telecom) cho Bộ Công an,** FPT tin rằng xác suất sáp nhập với các đơn vị khác là không cao và kỳ vọng sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu của công ty tại FPT Telecom, mặc dù vẫn chưa rõ liệu có còn được phép hợp nhất kết quả kinh doanh hay không. Sau khi chuyển nhượng, FPT Telecom có thể tham gia vào một số dự án của Chính phủ, nhưng thông tin chi tiết chưa được công bố.

6. Giáo dục:

*** Số lượng người học mới:** FPT duy trì mục tiêu tăng trưởng 30% YoY về số lượng người học mới trong năm 2025, được hỗ trợ bởi việc tăng cường tiếp thị và xây dựng thương hiệu cũng như đưa ra chương trình trả góp học phí. Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng học sinh mới từ cấp K-12 đã tăng hơn 25% YoY, trong khi hoạt động tuyển sinh cho cấp đào tạo nghề và đại học vẫn đang được tiến hành.

*** Doanh thu bình quân trên mỗi người học:** FPT kỳ vọng sẽ giữ doanh thu bình quân trên mỗi người học ổn định trong năm 2025 nhưng sẽ tăng trong dài hạn khi các chương trình K-12 và đại học có học phí cao hơn đóng góp nhiều hơn.

7. Quan điểm của chúng tôi:

* Với tăng trưởng khối lượng hợp đồng ký mới của mảng CNTT nước ngoài khiêm tốn chỉ 5% YoY trong 6T 2025 và triển vọng nửa cuối năm thận trọng từ góc nhìn của ban lãnh đạo, chúng tôi cho rằng đà giảm tốc trong doanh thu báo cáo của mảng CNTT nước ngoài sẽ kéo dài trong nửa cuối năm 2025. Ngoài ra, chúng tôi tin rằng việc quyết định thuế quan cuối cùng có thể cải thiện tầm nhìn về triển vọng tương lai của khách hàng và hỗ trợ sự phục hồi trong hợp đồng ký mới trong nửa cuối năm 2025. Lượng hợp đồng ký mới này có thể sẽ hỗ trợ đà phục hồi doanh thu báo cáo từ năm 2026. Chúng tôi cũng kỳ vọng mảng băng thông rộng sẽ duy trì kết quả vững chắc trong nửa cuối năm 2025 và mảng giáo dục sẽ ghi nhận sự phục hồi về số lượng người học mới trong 2025.

* Chúng tôi nhận thấy có khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với các dự báo 2025 của chúng tôi do biên lợi nhuận mảng viễn thông cao hơn dự kiến và việc ghi nhận thu nhập cổ tức từ TPB trong quý 2/2025. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với các dự báo năm 2026 do đà phục hồi của mảng CNTT nước ngoài chậm hơn kỳ vọng, chủ yếu là do thị trường APAC.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với FPT với giá mục tiêu là 120.600 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KDH: Mở bán Gladia dự kiến vào tháng 9 kỳ vọng thúc đẩy doanh số bán hàng và lợi nhuận nửa cuối năm 2025 - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

* Chúng tôi đã tham gia cuộc họp gặp gỡ nhà đầu tư của CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) vào ngày 12/8, với những điểm chính sau. Cuộc họp tập trung vào cập nhật các dự án trọng điểm của KDH. Nhìn chung, kế hoạch của KDH về việc mở bán/bàn giao Gladia và các dự án trung hạn phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với các dự báo 2025 của chúng tôi cho KDH, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

*** Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025:** Trong 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu và lợi nhuận chủ yếu đến từ việc bàn giao căn hộ tại dự án The Privia (100% đã bán và phần lớn đã được bàn giao tính đến cuối quý 2/2025 so với khoảng 60% đã bàn giao tính đến cuối năm 2024). Vui lòng tham khảo [Báo cáo KQKD](#) ngày 30/7 của chúng tôi để biết chi tiết về KQKD quý 2/2025.

*** Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025:** Theo KDH, công ty đã nhận được vài trăm lượt đặt chỗ tại dự án 'Gladia by the Waters' (Gladia) và dự kiến sẽ bán khoảng một nửa số căn thấp tầng trong thời

gian còn lại của năm 2025. Ngoài ra, KDH có kế hoạch bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng cho cả KCN Lê Minh Xuân mở rộng và The Solina từ quý 3/2025, với mục tiêu mở bán vào năm 2027.

* Cập nhật các dự án:

- **The Privia** (1,8 ha, 1.043 căn hộ): Đã hoàn tất bàn giao. Sổ hồng đã được cấp cho 70% số căn, và đang tiếp tục cấp sổ cho các căn còn lại.

- **Gladia by the Waters** (11,8 ha; Liên doanh với Keppel, KDH sở hữu 51%):

+ **Thấp tầng** (226 biệt thự & nhà phố): Dự kiến mở bán chính thức vào tháng 9/2025. Dự án hiện đang trong giai đoạn nhận đặt chỗ cho các căn thấp tầng (đã hoàn thành xây dựng), sau khi nhà mẫu khai trương vào ngày 20/7 và giấy phép bán hàng được cấp vào cuối tháng 6/2025.

+ **Cao tầng** (khoảng 600 căn hộ): Dự kiến khởi công xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2026 và mở bán trong 6 tháng cuối năm 2026.

- **KCN Lê Minh Xuân mở rộng** (109,9 ha, trong đó khoảng 89 ha cho Giai đoạn 1): Đã có giấy phép xây dựng cơ sở hạ tầng Giai đoạn 1, dự kiến mở bán vào năm 2027.

- **The Solina** (16,5 ha, khoảng 500 biệt thự & nhà phố và khoảng 300 căn hộ): Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất & giấy phép xây dựng cơ sở hạ tầng cho Giai đoạn 1 (khoảng 13 ha), dự kiến mở bán vào 6 tháng cuối năm 2027.

- **Bình Trưng** (khoảng 18 ha, thấp tầng & cao tầng): Đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý/cấp phép.

- **Phong Phú 2** (khoảng 40 ha, thấp tầng & cao tầng): Đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý/cấp phép.

- **Tân Tạo** (khu đô thị khoảng 330 ha): Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư & quy hoạch 1/500, đang trong quá trình giải phóng mặt bằng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Báo cáo Vĩ mô: Kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao kỷ lục nhờ hoạt động bổ sung hàng trước gia tăng

* **Sản xuất duy trì đà tăng ổn định.** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7 tăng 8,5% YoY, đưa mức tăng IIP trong 7 tháng đầu năm 2025 (7T 2025) đạt 8,6% YoY (7T 2024: +8,5% YoY), trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 10,3% YoY (7T 2024: +9,5% YoY). Dù đơn hàng xuất khẩu suy yếu có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và sản xuất, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tăng trong nước sẽ giúp giảm bớt tác động tiêu cực và duy trì đà phục hồi sản xuất.

* **Ngành du lịch tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng doanh thu bán lẻ.** Doanh thu bán lẻ hàng hóa & dịch vụ trong tháng 7 tăng 9,2% YoY (tháng 7/2024: +9,1% YoY), đưa tổng doanh thu bán lẻ trong 7T 2025 tăng 9,3% YoY (7T 2024: +8,9% YoY). Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng mạnh của lượng khách quốc tế cùng với nhu cầu du lịch nội địa cao trong mùa hè sẽ tiếp tục hỗ trợ tiêu dùng trong các tháng tới. Bên cạnh đó, việc gia hạn chính sách giảm 2% thuế GTGT có thể giúp hỗ trợ cho tiêu dùng.

* **Giải ngân đầu tư công tăng vọt trong tháng 7.** Thu và chi Ngân sách Nhà nước (NSNN) trong 7T 2025 lần lượt đạt 1,6 triệu tỷ VND (+27,8% YoY) và 1,3 triệu tỷ VND (+39,3% YoY), dẫn đến mức thặng dư ngân sách 260,1 nghìn tỷ VND. Chi NSNN cho đầu tư phát triển tăng mạnh 69,7% YoY lên 388,8 nghìn tỷ VND, hoàn thành 49,1% kế hoạch cả năm. Chính Phủ đặt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP đạt 8,3% – 8,5%, theo đó chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ tiếp tục ưu tiên đẩy mạnh và duy trì tốc độ giải ngân đầu tư công cao trong nửa cuối năm 2025.

* **FDI tiếp tục duy trì tích cực trong tháng 7.** Vốn FDI giải ngân trong tháng 7 tăng 10,1% YoY, đạt 1,9 tỷ USD, đưa tổng vốn FDI giải ngân trong 7T 2025 đạt mức 13,6 tỷ USD (+8,4% YoY). Dù vốn FDI đăng ký trong tháng 7 giảm 4,2% YoY xuống 2,6 tỷ USD, tuy nhiên, tổng vốn FDI đăng ký trong 7T

2025 vẫn tăng mạnh 27,3% YoY, đạt 24,1 tỷ USD. Việc Mỹ áp dụng mức thuế đối ứng 20% đối với hàng hóa Việt Nam – thấp hơn 4 điểm % so với mức trung bình của các đối thủ cạnh tranh chính và tiềm năng (không bao gồm Trung Quốc và Mexico, khi chưa có thỏa thuận chính thức) – cho thấy đây có thể là yếu tố giúp củng cố thêm vị thế của Việt Nam như một điểm đến hấp dẫn cho nguồn vốn FDI.

*** Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức cao kỷ lục.** Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu trong tháng 7 lần lượt đạt 42,3 tỷ USD (+16,0% YoY) và 40,0 tỷ USD (+17,8% YoY). Trong 7T 2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 262,4 tỷ USD (+14,8% YoY) trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 252,3 tỷ USD (+17,9% YoY), dẫn đến thặng dư thương mại 10,2 tỷ USD (7T 2024: +14,6 tỷ USD). Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu có thể chững lại trong các tháng tới do (1) đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm tháng thứ 9 liên tiếp (theo báo cáo PMI gần nhất), và (2) mức thuế đối ứng mới của Mỹ bắt đầu có hiệu lực từ ngày 07/8 có thể ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu từ Mỹ.

*** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng nhẹ do nhu cầu sử dụng điện tăng.** CPI tháng 7 tăng 0,11% MoM và 3,19% YoY, đưa CPI bình quân 7T 2025 lên mức 3,26% YoY. Một số yếu tố có thể làm tăng áp lực lạm phát trong tháng 8 bao gồm (1) nhu cầu tổng thể có thể tăng cao vào giai đoạn cuối kỳ nghỉ hè và (2) học phí tại nhiều đại học từ năm học 2025–2026 có thể bắt đầu tăng trong tháng 8. Tuy nhiên, giá thịt heo có thể giảm do dịch tả lợn châu Phi hiện đang lan rộng trên cả nước, có thể giúp giảm bớt phần nào áp lực lạm phát.

*** Tỷ giá USD/VND tiếp tục chịu áp lực trong tháng 7.** Tỷ giá USD/VND tăng 0,3%, ở mức 26.198 vào cuối tháng (tỷ giá tăng 2,7% từ đầu năm đến nay). Theo công cụ CME FedWatch, kỳ vọng Fed sẽ hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 9 tăng mạnh lên 94,2% tính đến ngày 12/08, từ mức chỉ 37,7% vào cuối tháng 7. Việc Fed giảm lãi suất có thể giúp giảm bớt áp lực lên tỷ giá USD/VND trong thời gian tới.

Báo cáo Ngành Thép: Chính sách “chống cạnh tranh tiêu cực” (anti-involution) của Trung Quốc sẽ thúc đẩy sự phục hồi của toàn ngành thép

Báo cáo Ngành này thảo luận: (1) chính sách “chống cạnh tranh tiêu cực” năm 2025 của Trung Quốc nhằm giải quyết tình trạng dư cung thép, (2) so sánh với chu kỳ cải cách giai đoạn 2015, (3) triển vọng cho giá thép Trung Quốc, dựa trên bối cảnh lịch sử và tình hình thị trường hiện tại, và (4) quan điểm của chúng tôi về tác động của chính sách này đến ngành thép Việt Nam.

*** Chính sách “chống cạnh tranh tiêu cực” (anti-involution) năm 2025 của Trung Quốc nhằm giải quyết tình trạng cạnh tranh không lành mạnh và dư thừa công suất.** Thuật ngữ “cạnh tranh tiêu cực” (involution) đề cập đến tình trạng cạnh tranh mang tính phá hoại trong các thị trường dư cung, khi các doanh nghiệp buộc phải giảm giá mạnh và hạ chất lượng sản phẩm để bảo vệ thị phần đang thu hẹp. Điều này dẫn đến tình trạng “lún sâu vào cạnh tranh phá giá” giữa các nhà sản xuất trong nước, làm suy yếu sức khỏe ngành và gây mất ổn định kinh tế vĩ mô. Để ứng phó, chính phủ Trung Quốc triển khai chính sách “chống cạnh tranh tiêu cực” với mục tiêu cắt giảm công suất dư thừa, chất lượng thấp, đồng thời thúc đẩy sản xuất hiệu quả và bền vững hơn.

*** Chính sách năm 2025 gợi nhớ lại chương trình cải cách nguồn cung năm 2015,** khi chính phủ Trung Quốc cũng phải xử lý tình trạng dư thừa công suất thép do suy thoái bất động sản và nhiều năm đầu tư quá mức vào năng lực sản xuất. Chiến dịch năm 2015 tập trung vào các chỉ đạo từ trên xuống nhằm đóng cửa các nhà máy kém hiệu quả và làm bình ổn giá. Chính sách năm 2025 vẫn giữ nguyên mục tiêu cốt lõi này, nhưng có một vài điểm cải tiến như: tối ưu hóa cơ cấu công suất theo hướng sản xuất chất lượng cao và thân thiện với môi trường hơn; thể chế hóa cải cách; nâng cao phối hợp giữa trung ương và địa phương; tích hợp các biện pháp từ phía cầu; và thúc đẩy một thị trường quốc gia thống nhất. Tóm lại, nếu chính sách năm 2015 ưu tiên “loại bỏ cái xấu” thì cách tiếp cận năm 2025 vẫn thừa hưởng mục tiêu này, kèm với đó là “thúc đẩy cái tốt”. Cả hai chiến lược đều hướng tới loại bỏ cạnh tranh kém lành mạnh và khôi phục khả năng sinh lợi ở các ngành như thép.

*** Chúng tôi kỳ vọng giá thép Trung Quốc sẽ phục hồi dần, chủ yếu nhờ cắt giảm nguồn cung, với tốc độ chậm hơn chu kỳ 2015.** Trong chu kỳ trước, từ đáy năm 2015 đến cuối năm 2017, giá HRC và thép cây đã tăng lần lượt ~135% và ~136%, chủ yếu nhờ cắt giảm mạnh công suất và nhu cầu BĐS phục hồi, giúp ngành thép ghi nhận lợi nhuận kỷ lục. Theo nghiên cứu của IMF (2018), 60% mức tăng giá đến từ phía nguồn cầu và 40% từ phía nguồn cung. Lần này, chúng tôi kỳ vọng giá thép sẽ dần phục hồi từ mức thấp trong nhiều năm hiện tại, được thúc đẩy chủ yếu từ việc cắt giảm nguồn cung, khi nhu cầu trong ngành BĐS Trung Quốc vẫn kém khả quan. Do đó, tốc độ phục hồi sẽ chậm hơn so với chu kỳ 2015. Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng đà phục hồi sẽ chậm và có nhiều biến động, do việc cắt giảm công suất nguồn cung cần thời gian để có tác động rõ nét, trong khi nhu cầu trong ngành BĐS Trung Quốc chưa có nhiều chuyển biến rõ rệt. Tuy nhiên, xu hướng phục hồi sẽ rõ ràng hơn trong trung và dài hạn. Các yếu tố điều chỉnh tăng cho quan điểm này bao gồm cắt giảm nguồn cung mạnh hơn dự kiến, ngành BĐS Trung Quốc phục hồi tốt hơn dự kiến, hoặc nhu cầu thép từ các ngành sản xuất – xây dựng hạ tầng cao hơn dự kiến.

*** Doanh nghiệp thép Việt Nam sẽ hưởng lợi từ chu kỳ tăng giá thép lần này nhờ giá thép Trung Quốc cải thiện.** Là quốc gia sản xuất và tiêu thụ thép lớn nhất thế giới – chiếm hơn 50% cung và cầu toàn cầu – giá thép Trung Quốc có ảnh hưởng mạnh đến thị trường quốc tế. Với vị trí địa lý gần và mức độ hội nhập thương mại cao, giá thép Việt Nam có tương quan cao với giá thép Trung Quốc, do bị ảnh hưởng bởi thép nhập khẩu từ cả Trung Quốc và các nước khác. Do đó, chúng tôi cho rằng chu kỳ tăng giá thép sắp tới tại Trung Quốc sẽ giúp kéo giá thép trong nước đi lên. Tín hiệu ban đầu đã xuất hiện rõ rệt khi giá thép Trung Quốc bật tăng mạnh trong tháng 7/2025, và do đó kéo theo động thái điều chỉnh tăng giá từ các nhà sản xuất lớn tại Việt Nam như Hòa Phát (HSX: HPG), Hoa Sen (HSX: HSG), và Nam Kim (HSX: NKG), trong giai đoạn từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8. Về trung và dài hạn, ngành thép trong nước sẽ hưởng lợi rõ nét hơn khi biên lợi nhuận cải thiện nhờ giá bán đầu ra cao hơn so với giá nguyên vật liệu đầu vào vốn đã được mua trước đó ở giá thấp hơn. Ở ngắn hạn, hoạt động tích trữ hàng tồn kho có thể thúc đẩy sản lượng tiêu thụ khi các công ty thương mại (trader) kỳ vọng giá sẽ tiếp tục tăng.

*** HPG là cổ phiếu chúng tôi đánh giá cao trong nhóm ngành thép.** Chúng tôi kỳ vọng thép xây dựng sẽ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công. Thị trường HRC trong nước hiện đang thiếu cung và được bảo vệ bởi thuế chống bán phá giá AD20 đối với thép Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng định giá HPG hiện tại là hấp dẫn, khi cổ phiếu đang giao dịch với P/E bình quân giai đoạn 2025–2027 là 11,1x trong khi CAGR giai đoạn 2024–2027 đạt 28%, tương ứng với PEG ở mức 0,4x.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.362	3,4	48.300	67.000	39%	10,4%	49%	MUA	06/03/25	13,4	13,2	16,5	2,9
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	510	4,7	59.600	81.700	37%	3,4%	40%	MUA	17/02/25	8,9	6,6	16,5	1,4
PTB	Công nghiệp	11%	140	0,3	55.000	71.000	29%	4,4%	33%	MUA	14/03/25	8,4	7,5	16,8	1,2
FRT	Bán lẻ	16%	974	5,8	150.000	193.800	29%	0,0%	29%	MUA	26/05/25	35,0	22,7	16,1	8,9
PLX	Xăng dầu	3%	1.865	4,1	38.500	47.800	24%	3,1%	27%	MUA	04/08/25	21,8	13,2	26,3	2,0
ACG	Gỗ	12%	216	0,1	37.650	45.800	22%	4,5%	26%	MUA	15/07/25	10,4	9,4	16,8	1,3
BMI	Bảo hiểm	19%	108	0,3	21.300	26.200	23%	2,3%	25%	MUA	12/04/24	8,7	7,5	16,3	1,0
KBC	KCN	34%	1.205	10,4	33.550	41.500	24%	0,0%	24%	MUA	11/08/25	17,7	11,0	23,3	1,3
PNJ	Bán lẻ	0%	1.127	3,6	87.500	105.900	21%	2,3%	23%	MUA	29/05/25	14,9	12,9	11,9	2,5
ACV	Hàng không	46%	8.937	3,3	65.200	80.100	23%	0,0%	23%	MUA	09/05/25	16,8	18,0	14,3	3,7
QTP	Điện & Nước	48%	225	0,3	13.200	15.000	14%	9,1%	23%	MUA	02/06/25	10,1	9,4	12,5	1,1
CTR	CNTT	42%	413	3,1	94.800	114.300	21%	2,1%	23%	KQ	30/06/25	24,6	20,4	17,7	5,4
ACB	Ngân hàng	0%	4.750	16,3	24.250	28.500	18%	4,1%	22%	MUA	19/05/25	7,0	6,0	12,9	1,4
MSN	Bán lẻ	75%	4.609	33,6	83.600	101.200	21%	0,0%	21%	MUA	21/05/25	44,5	28,5	14,3	3,7
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.925	16,5	61.800	70.300	14%	6,5%	20%	MUA	24/04/25	15,4	14,7	16,5	4,1
TLG	Văn phòng phẩm	86%	179	0,7	54.200	61.300	13%	6,9%	20%	MUA	20/05/25	10,0	8,7	11,9	1,9
VEA	Ô-tô	48%	1.980	1,4	39.300	42.200	7%	12,3%	20%	PHTT	20/09/24	7,5	6,9	14,3	1,8
DGC	Công nghiệp	34%	1.562	13,3	107.900	126.000	17%	2,8%	20%	MUA	25/07/25	12,9	10,8	15,9	2,8
IDC	KCN	31%	623	6,3	49.500	55.800	13%	4,0%	17%	MUA	08/05/25	10,7	9,5	23,3	2,9
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	40%	690	0,4	49.300	53.400	8%	8,1%	16%	KQ	30/08/24	7,2	7,1	16,5	1,8
VCB	Ngân hàng	8%	20.072	25,2	63.000	73.200	16%	0,0%	16%	MUA	23/05/25	15,6	14,1	12,9	2,5
BMP	VLXD	14%	439	0,8	140.500	149.000	6%	9,6%	16%	KQ	28/05/25	10,0	10,4	17,7	4,1
HVN	Hàng không	21%	3.848	2,4	32.400	37.100	15%	0,0%	15%	KQ	22/07/25	8,4	11,7	17,6	-26,8
SCS	DV Hàng không	16%	231	1,3	63.900	67.000	5%	9,4%	14%	KQ	29/05/25	8,8	8,6	17,6	4,5

SIP	KCN	45%	614	2,3	66.500	73.900	11%	3,0%	14%	MUA	18/06/25	14,4	13,5	23,3	3,4
DHC	Công nghiệp	14%	119	0,6	32.250	35.100	9%	5,3%	14%	KQ	11/09/24	7,2	5,7	16,8	1,5
FPT	CNTT	10%	6.983	36,9	107.500	120.600	12%	1,9%	14%	MUA	27/05/25	20,2	16,6	17,5	5,5
PPC	Điện & Nước	43%	139	0,5	11.400	12.400	9%	5,3%	14%	PHTT	02/06/25	15,7	6,9	12,5	0,8
SZC	KCN	17%	261	4,8	38.100	42.400	11%	2,6%	14%	KQ	01/07/25	23,6	19,5	23,3	2,2
AST	DV Hàng không	4%	119	0,1	69.300	74.400	7%	5,1%	12%	MUA	02/04/25	15,9	12,5	16,1	5,4
HDG	Điện & Nước	33%	406	8,5	28.800	32.300	12%	0,0%	12%	MUA	08/08/25	18,8	9,3	23,3	1,7
GMD	GTVT	10%	974	8,4	60.800	65.700	8%	3,6%	12%	KQ	31/07/25	18,4	18,8	14,3	2,1
BWE	Điện & Nước	40%	411	0,6	49.000	53.200	9%	2,9%	11%	PHTT	13/05/25	16,9	11,0	12,5	2,0
NT2	Điện & Nước	39%	246	1,8	22.450	23.500	5%	6,7%	11%	MUA	18/07/25	13,6	8,3	12,5	1,5
HPG	VLXD	27%	8.341	74,1	28.500	31.700	11%	0,0%	11%	MUA	16/05/25	14,0	10,8	16,8	1,8
TCB	Ngân hàng	0%	10.187	44,4	37.700	40.800	8%	2,7%	11%	MUA	11/08/25	10,6	8,8	12,9	1,7
TV2	Điện & Nước	6%	104	1,6	40.500	43.900	8%	2,5%	11%	KQ	25/07/25	55,4	18,6	14,3	2,2
KDH	Bất động sản	17%	1.463	7,3	34.200	37.900	11%	0,0%	11%	MUA	15/05/25	43,5	39,2	23,3	2,2
PVD	Dầu khí	45%	488	8,4	23.000	24.900	8%	2,2%	10%	KQ	11/08/25	17,9	13,5	26,3	0,8
PC1	Điện & Nước	35%	385	8,3	28.200	31.100	10%	0,0%	10%	KQ	05/08/25	19,7	11,6	17,7	1,8
MWG	Bán lẻ	0%	4.070	30,7	72.200	78.300	8%	1,4%	10%	MUA	30/05/25	19,3	14,8	16,1	3,6
PVS	Dầu khí	37%	691	12,1	37.900	41.600	10%	0,0%	10%	MUA	08/08/25	21,8	17,8	26,3	1,3
PHR	Công nghiệp	34%	324	1,8	62.800	67.400	7%	2,1%	9%	KQ	25/06/25	17,3	11,7	15,9	2,2
CTG	Ngân hàng	3%	9.828	19,2	48.000	52.000	8%	0,0%	8%	MUA	19/05/25	9,8	8,4	12,9	1,6
BVH	Bảo hiểm	22%	1.511	1,3	53.400	56.900	7%	1,7%	8%	KQ	26/05/25	15,0	12,7	16,3	1,7
GAS	Dầu khí	47%	6.298	3,2	70.500	74.200	5%	2,8%	8%	MUA	12/05/25	16,8	13,6	12,5	2,5
BID	Ngân hàng	13%	11.111	14,8	41.500	44.800	8%	0,0%	8%	MUA	26/05/25	12,5	11,7	12,9	1,9
DPG	Điện & Nước	45%	184	5,4	47.800	50.000	5%	2,1%	7%	KQ	07/07/25	14,7	6,7	17,7	2,4
OIL	Dầu khí	1%	494	1,2	12.600	13.300	6%	0,8%	6%	KQ	21/07/25	273,9	27,3	26,3	1,2
PVT	Dầu khí	40%	340	3,5	18.950	19.850	5%	0,0%	5%	KQ	09/05/25	9,3	7,7	14,3	1,1
VIB	Ngân hàng	0%	2.583	15,8	19.900	20.800	5%	0,0%	5%	KQ	23/05/25	7,6	6,7	12,9	1,6
REE	Điện & Nước	0%	1.417	3,1	68.600	70.300	2%	1,5%	4%	MUA	16/04/25	14,7	11,0	14,3	1,9
DCM	Phân bón	43%	834	10,6	41.300	40.700	-1%	4,8%	3%	MUA	10/07/25	13,8	10,7	15,9	2,1
PLC	Dầu khí	48%	90	1,0	29.100	29.050	0%	3,4%	3%	MUA	11/04/25	20,8	9,4	15,9	1,8

STK	Dệt may	82%	92	0,1	25.000	25.500	2%	0,0%	2%	KQ	17/01/25	30,0	16,8	15,9	1,4
TDM	Điện & Nước	48%	247	0,3	58.200	57.300	-2%	2,4%	1%	PHTT	13/05/25	30,6	20,6	12,5	2,5
NLG	Bất động sản	1%	639	8,7	43.550	43.300	-1%	1,1%	1%	MUA	09/05/25	26,5	29,6	23,3	1,7
DGW	Bán lẻ	23%	402	6,4	48.150	47.400	-2%	1,0%	-1%	PHTT	23/07/25	19,7	14,9	16,1	3,4
VRE	Bất động sản	31%	2.552	6,5	29.450	29.200	-1%	0,0%	-1%	KQ	27/05/25	15,6	13,4	23,3	1,5
GVR	Công nghiệp	12%	4.949	7,5	32.450	31.200	-4%	1,2%	-3%	PHTT	04/07/25	30,2	27,2	15,9	2,3
MBB	Ngân hàng	0%	7.539	33,8	32.400	31.000	-4%	0,9%	-3%	MUA	13/05/25	7,6	6,6	12,9	1,6
BSR	Lọc hóa dầu	49%	2.713	10,4	22.950	21.200	-8%	3,1%	-5%	KQ	26/11/24	13,3	12,8	26,3	1,3
STB	Ngân hàng	10%	3.882	28,9	54.000	50.900	-6%	0,0%	-6%	MUA	15/05/25	8,8	4,8	12,9	1,7
HDB	Ngân hàng	0%	3.851	30,0	28.900	27.000	-7%	0,0%	-7%	MUA	22/05/25	6,5	5,6	12,9	1,6
POW	Điện & Nước	46%	1.442	9,4	16.150	14.800	-8%	0,0%	-8%	KQ	02/06/25	30,2	20,3	12,5	1,2
VJC	Hàng không	22%	2.865	16,7	127.000	114.000	-10%	0,0%	-10%	KQ	15/03/24	18,3	14,2	17,6	3,2
DPM	Phân bón	42%	747	9,7	28.800	23.900	-17%	4,0%	-13%	KQ	10/07/25	26,0	18,0	15,9	1,7
DXG	Bất động sản	24%	837	24,0	21.550	18.600	-14%	0,0%	-14%	KQ	05/06/25	84,8	53,6	23,3	1,8
VPB	Ngân hàng	4%	8.955	55,4	29.600	25.000	-16%	1,7%	-14%	MUA	19/05/25	12,5	10,7	12,9	1,6
TPB	Ngân hàng	5%	1.934	24,8	19.200	16.500	-14%	0,0%	-14%	MUA	27/05/25	7,7	7,0	12,9	1,3
HDC	Bất động sản	43%	253	11,6	37.250	30.400	-18%	0,0%	-18%	KQ	21/03/25	38,7	22,4	23,3	2,9
VIC	Bất động sản	44%	16.840	42,9	115.500	90.300	-22%	0,0%	-22%	PHTT	27/05/25	33,2	40,3	23,3	3,1
VGC	KCN	43%	1.133	5,0	66.300	49.800	-25%	2,7%	-22%	KQ	27/06/25	29,4	22,6	17,7	3,3
NKG	VLXD	44%	288	12,7	16.900	13.100	-22%	0,0%	-22%	PHTT	18/04/25	17,7	13,1	16,8	1,0
SSI	Chứng khoán	59%	2.763	74,9	36.750	27.100	-26%	2,7%	-24%	KQ	04/06/25	26,0	20,2	22,6	2,6
DXS	Bất động sản	29%	273	2,9	12.350	9.200	-26%	0,0%	-26%	KQ	05/06/25	26,9	17,4	23,3	1,1
VHM	Bất động sản	40%	14.565	22,0	93.000	67.400	-28%	0,0%	-28%	PHTT	27/05/25	11,9	12,2	23,3	1,8
HSG	VLXD	39%	470	10,1	19.850	13.500	-32%	2,5%	-29%	PHTT	18/04/25	24,8	21,0	16,8	1,1
LPB	Ngân hàng	4%	4.334	5,7	38.050	26.800	-30%	0,0%	-30%	KKQ	15/05/25	11,2	11,0	12,9	2,8
VTP	GTVT	44%	541	4,7	116.600	69.000	-41%	1,3%	-40%	PHTT	06/09/24	40,2	34,3	14,3	8,5
GEX	Điện & Nước	42%	2.023	33,6	58.800	25.800	-56%	0,9%	-55%	KQ	11/04/25	55,0	48,2	14,3	3,6

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
MUA	40	143.887	3.597	18	14,2	12,6	10,6	13,8	2,1	23,0	15,8	12,6	2,4	2,5%
KHẢ QUAN	29	31.081	1.072	5	17,9	14,9	13,5	14,0	2,1	32,8	32,2	17,2	1,2	2,3%
PHÙ HỢP TT	11	40.833	3.712	3	19,3	18,0	18,2	14,4	2,2	23,6	22,6	18,9	2,6	2,6%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.334	4.334	0	12,3	11,2	11,0	7,9	2,8	12,3	11,2	11,0	2,8	0,0%
BÁN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
TỔNG CỘNG	81	220.135	2.718	26	15,3	13,6	11,9	13,8	2,1	26,4	22,5	15,1	2,0	2,4%

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
Ngân hàng	12	89.025	7.419	11	11,8	10,4	8,9	10,8	1,8	11,1	9,8	8,4	1,8	0,8%
Bảo hiểm	2	1.619	810	1	18,0	14,3	12,1	15,4	1,6	15,8	11,9	10,1	1,3	2,0%
Chứng khoán	1	2.763	2.763	1	29,4	26,0	20,2	19,2	2,6	29,4	26,0	20,2	2,6	2,7%
Tiêu dùng	13	29.225	2.248	5	19,2	16,9	14,4	19,6	3,5	25,0	18,5	14,5	3,6	4,3%
Bất động sản	8	37.423	4.678	2	20,4	18,9	19,6	15,0	2,2	46,4	35,2	28,5	2,0	0,1%
Vật liệu	4	9.538	2.384	1	18,3	14,1	11,1	15,2	1,7	17,0	16,6	13,8	2,0	3,0%
Điện & Nước	12	7.229	602	1	25,2	22,8	15,2	19,5	1,8	32,0	24,6	15,2	1,9	2,8%
Dầu khí	10	14.558	1.456	2	20,9	17,0	13,5	17,7	1,7	35,6	43,5	14,4	1,6	2,4%
Công nghiệp	5	2.130	426	0	14,4	12,0	10,0	14,0	2,2	20,5	13,8	10,0	1,6	3,4%
Khu công nghiệp	7	9.110	1.301	1	25,8	22,7	18,4	22,8	2,2	28,1	20,5	16,4	2,5	2,3%
GTVT & Logistics	7	17.515	2.502	1	13,8	14,0	15,5	15,8	4,6	20,8	18,1	16,9	0,1	2,8%
TỔNG CỘNG	81	220.135	2.718	26	15,3	13,6	11,9	13,8	2,1	26,4	22,5	15,1	2,0	2,4%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q2 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	2%	8%	MUA		Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể; NIM tăng nhẹ so với quý trước
BID	3%	3%	MUA		Lợi nhuận đạt kỳ vọng nhưng chất lượng tài sản chưa được cải thiện.
CTG	46%	19%	MUA		Tăng trưởng lợi nhuận đột biến vượt kỳ vọng nhờ chi phí tín dụng giảm mạnh.
HDB	25%	22%	MUA		NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
LPB	4%	10%	KKQ		KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
MBB	22%	13%	MUA		Tổng thu nhập từ HĐKD tăng trưởng mạnh, bù đắp chi phí dự phòng cao; chất lượng tài sản cải thiện so với quý trước
STB	35%	27%	MUA		Lợi nhuận quý 2 tăng trưởng mạnh, phù hợp với kỳ vọng; hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện
TCB	-2%	17%	MUA		KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
TPB	11%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhờ cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
VCB	5%	9%	MUA		KQKD phù hợp với kỳ vọng; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2.
VIB	8%	9%	KQ		KQKD phù hợp với dự phóng của chúng tôi; mảng khách hàng doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6T 2025
VPB	24%	19%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng mạnh nhờ tăng trưởng tín dụng cao, chất lượng tài sản cải thiện đáng kể
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-4%	50%	MUA		Thu nhập cổ tức thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ so với quý trước
BVH	36%	23%	KQ		Tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ tiếp tục phục hồi; chi phí dự phòng kỹ thuật thấp hơn giúp cải thiện biên lợi nhuận HĐKD bảo hiểm
SSI	12%	13%	MUA		Thị phần môi giới quý 2/2025 đạt mức cao nhất trong 3 năm
Tiêu dùng					
CTR	11%	9%	KQ		LNST sau lợi ích CDTS tăng 11% YoY nhờ đà tăng trưởng ổn định của mảng hạ tầng cho thuê
DGW	22%	23%	PHTT		LNST sau lợi ích CDTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 22% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi

FPT	19%	15%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 20% YoY dù tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài giảm tốc, chỉ đạt 14% YoY
FRT	337%	133%	MUA	Biên lợi nhuận của Long Châu cải thiện, nhưng lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng
MSN (2)	135%	122%	MUA	MCH tạm chững lại trong quý 2/2025 ; cộng hưởng tiêu dùng - bán lẻ giúp cải tiến phân phối và sản phẩm
MWG	54%	35%	MUA	Mảng điện máy gia tăng thị phần nhờ dịch vụ gia tăng; BHX giảm tốc mở rộng trong tháng 6 để chuẩn bị tối ưu hóa
PNJ	-4%	-4%	MUA	LNST nửa đầu năm 2025 giảm 4% YoY dù doanh thu bán lẻ tăng 6% YoY, phù hợp với kỳ vọng
QNS	-23%	0%	KQ	Mảng sữa đậu nành tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng đường yếu nhưng có cải thiện
SAB	-11%	9%	MUA	Biên lợi nhuận gộp mảng bia cải thiện một phần bù đắp sản lượng bia giảm
TLG	-9%	9%	MUA	Xuất khẩu phục hồi mạnh so với quý trước; biên lợi nhuận gộp trong nước đạt kỷ lục
VEA	5%	11%	PHTT	Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 5% YoY nhờ đà tăng trong doanh số của Toyota và Ford
VHC	0%	21%	MUA	
VNM	-17%	6%	MUA	Doanh thu trong nước phục hồi sau tái cơ cấu kênh phân phối; tung nhiều sản phẩm mới
GTVT & Logistics				
ACV	-7%	4%	MUA	Doanh thu tăng trưởng khả quan, nhưng lỗ tỷ giá ảnh hưởng lợi nhuận
AST	73%	27%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 92% YoY, vượt dự báo
GMD (2)	41%	-3%	KQ	LNST của Gemalink thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng, nhưng hiệu quả chi phí SG&A hỗ trợ cho lợi nhuận quý 2; lợi nhuận nửa đầu năm phù hợp với dự phóng
HVN	20%	13%	PHTT	Biên lợi nhuận gộp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng; hoạt động tái cấp vốn giúp củng cố bảng cân đối kế toán
SCS	7%	-1%	KQ	Tăng trưởng lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ trong quý 2 do hết ưu đãi thuế; phù hợp với kỳ vọng
VJC	56%	6%	KQ	Doanh thu duy trì ổn định với biên lợi nhuận cải thiện
VTP	16%	15%	PHTT	Mảng chuyển phát dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 16% YoY trong nửa đầu năm 2025
Bất động sản				
DXG	107%	-12%	KQ	Lợi nhuận 6 tháng đầu năm phù hợp kỳ vọng
DXS	3,7x	110%	KQ	Mảng môi giới phục hồi mạnh mẽ, ghi nhận doanh thu từ bàn giao bất động sản cao hơn và biên lợi nhuận cải thiện thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm
HDC	-2%	145%	KQ	Ghi nhận chuyển nhượng một phần tại dự án Đại Dương thúc đẩy lợi nhuận quý 2, bù đắp hoạt động bàn giao BĐS kém khả quan
KDH	-6%	5%	MUA	The Privia thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm; Gladia mở booking
NLG	218%	28%	MUA	Hoạt động bàn giao tại các dự án Cần Thơ, và Akari City Giai đoạn 2 thúc đẩy tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm

VHM	-8%	7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng QoQ nhờ lượng bán giao cao hơn và thu nhập tài chính khác; dự án Wonder City và Royal Island thúc đẩy tăng trưởng doanh số bán hàng nửa đầu năm
VIC	45%	9%	PHTT		Tiếp tục ghi nhận các khoản tài trợ từ Chủ tịch HĐQT; mảng khách sạn nghỉ dưỡng ghi nhận lợi nhuận từ HĐKD dương trong quý 2
VRE	15%	5%	KQ		Mảng cho thuê bán lẻ ghi nhận tăng trưởng YoY ổn định; thu nhập tài chính và thu nhập khác thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm
Khu công nghiệp					
GVR	100%	8%	PHTT		KQKD khả quan của mảng cao su & thu nhập ròng khác từ thanh lý cây dẫn dất đà tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025
IDC	-43%	-23%	MUA		Lợi nhuận giảm do không ghi nhận bàn giao hợp đồng thuê đất KCN quy mô lớn trong kỳ; doanh số cho thuê đất KCN vượt kỳ vọng
KBC	663%	280%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán các dự án mới dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh
PHR	35%	19%	KQ		Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA		Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	32%	4%	KQ		Bàn giao đất KCN dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng đầu năm; phù hợp với kỳ vọng
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
BMP	31%	17%	KQ		Chi phí đầu vào thấp thúc đẩy biên lợi nhuận, lợi nhuận quý 2 đạt mức cao kỷ lục; vượt nhẹ so với dự báo
DGC	10%	14%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS tăng 10% YoY trong 6T 2025, phù hợp kỳ vọng
DHC	37%	49%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 37% YoY nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng
DRC	23%	35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2025 tăng 27% QoQ và 28% YoY; phù hợp với kỳ vọng
HPG	-19%	-2%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 cải thiện QoQ từ mức lỗ trong quý 1, nhưng vẫn giảm YoY
HSG (1)	-68%	-26%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 giảm mạnh 50% QoQ và 93% YoY; thấp hơn kỳ vọng
NKG	16%	27%	MUA		LNTT tăng 15% YoY, mảng gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính
PTB	N.M.	386%	KQ		Sản lượng bán hàng thấp hơn kỳ vọng; lỗ tỷ giá ăn mòn biên lợi nhuận gộp đang phục hồi
STK	-22%	-5%	MUA		Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
Điện & Nước					

BWE (2)	27%	1%	PHTT		LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
GEX	-6%	-40%	KQ		Lợi nhuận thuần cốt lõi tăng trưởng mạnh từ GEE, VGC, VCW thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 2 của GEX tăng mạnh 3.1 lần YoY
HDG	-54%	68%	MUA	MUA	Chi phí sử dụng đất bổ sung và lỗ tỷ giá gây ảnh hưởng đến LNST quý 2, tuy nhiên công ty ghi nhận nhiều diễn biến tích cực tại dự án Infra 1
NT2	N.M.	492%	KQ	MUA	Mức tăng cao vượt kỳ vọng của sản lượng điện hợp đồng là động lực chính thúc đẩy LNST tăng gấp 2.7 lần YoY; triển vọng tăng trưởng lớn
PC1	-19%	19%	MUA	KQ	Biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện phục hồi, phù hợp với dự báo
POW	52%	19%	KQ		Mức tăng mạnh của tỷ lệ Qc cam kết bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá, thúc đẩy đà tăng trưởng của LNST quý 2
PPC	-77%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2025 giảm 77% YoY do sản lượng thấp, phù hợp với kỳ vọng
QTP	-7%	-5%	MUA		LNST 6T 2025 cao hơn một chút so với kỳ vọng với mức tăng 5%, được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào và chi phí bảo trì thấp hơn
REE	48%	26%	MUA		Sản lượng thủy điện cao thúc đẩy LNST tăng mạnh YoY trong quý 2
TDM (2)	-26%	-43%	PHTT		Thu nhập cổ tức thúc đẩy lợi nhuận 6T 2025; M&A Biwase Long An
TV2	-42%	60%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm mạnh 43% YoY, KQKD thấp hơn so với dự báo
DPG	28%	35%	KQ		Mảng năng lượng & xây dựng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
VGC	109%	-4%	KQ		Doanh thu cho thuê đất KCN tăng mạnh vượt kỳ vọng giữa bối cảnh thuế quan bất lợi, biên lợi nhuận gộp cao thúc đẩy LNST quý 2 tăng 2.8 lần YoY
Dầu khí					
BSR	-35%	311%	KQ		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tăng gấp đôi sau đợt bảo dưỡng tổng thể, nhưng lợi nhuận giai đoạn nửa đầu năm vẫn khá thấp
DCM (2)	31%	21%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 gần như tăng gấp đôi YoY nhờ ASP urê tăng mạnh và sản lượng NPK tăng mạnh
DPM	23%	69%	KQ		Giá bán trung bình của urê tăng mạnh thúc đẩy LNST tăng mạnh, tiềm năng tăng dự báo rõ rệt
GAS	29%	-4%	MUA		Hoàn nhập dự phòng hỗ trợ tăng trưởng LNST mặc dù sản lượng bán/giá FO giảm; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ dự báo
OIL (2)	-34%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng gấp đôi YoY nhờ sản lượng tăng, vượt dự báo
PLX (2)	-37%	-6%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua nhờ mức tăng trưởng của thị phần bất chấp giá dầu biến động; tiềm năng tăng dự báo rõ ràng
PLC	311%	162%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ mảng nhựa đường phục hồi trong xu hướng tăng đầu tư công

PVD (2)	-16%	4%	KQ	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 71% YoY nhờ dịch vụ giếng khoan tăng mạnh, khoản lợi nhuận bất thường; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	50%	21%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng mạnh 85% YoY nhờ biên lợi nhuận mảng M&C và lãi tỷ giá tăng mạnh, vượt kỳ vọng
PVT (2)	-12%	1%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm giảm 2% YoY dù doanh thu tăng mạnh, phù hợp kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng EPS quý 2/năm tài chính 2025 so với quý 2/năm tài chính 2024. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.608,2	11,4
VN 30	1.755,3	13,4
VN Mid	2.494,9	21,6
VNSmall	1.646,5	7,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	276,5	0,0
HNX30	614,8	-0,4
VNX Allshare	2.741,4	19,0

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	109,2	-0,1

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.669,2	3,7%
Khối ngoại mua	3.316,7	7,3%
Khối ngoại bán	4.008,4	8,8%
Tổng giao dịch	45.459,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	13,7	0,4%
Khối ngoại mua	76,4	2,4%
Khối ngoại bán	94,1	3,0%
Tổng giao dịch	3.133,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	489,9	29,4%
Khối ngoại mua	14,8	0,9%
Khối ngoại bán	35,1	2,1%
Tổng giao dịch	1.668,8	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CII	1.250	7,0%
SAM	580	7,0%
HHV	950	6,9%
MSN	5.300	6,9%
VGC	4.000	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
IDC	3.600	7,8%
VC7	700	6,4%
IVS	500	5,1%
IPA	900	4,4%
SHS	1.000	4,3%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
G36	1.249	12,9%
C4G	381	4,0%
GDA	888	3,9%
BTH	1.327	2,6%
DDV	823	2,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TDH	-340	-6,2%
HAP	-240	-3,6%
LDG	-180	-3,3%
ANV	-850	-3,1%
SMC	-350	-2,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
INN	-2.000	-3,3%
IDV	-600	-2,1%
PVB	-600	-1,9%
NAG	-200	-1,3%
TFC	-900	-1,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ABW	-163	-1,4%
ABB	-169	-1,3%
CTX	-159	-0,9%
BMS	-105	-0,8%
HNG	-17	-0,3%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSN	2.459
SHB	2.286
SSI	2.176
HPG	1.901
MBB	1.531

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	1.131
IDC	918
CEO	642
HUT	330
PVS	288

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
ABB	119
BVB	107
VGI	96
MSR	75
ACV	69

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PTB	775.486	121.276
TCO	2.010.271	541.326
NBB	350.505	95.693
TNH	2.235.300	711.744
DPM	17.702.756	5.798.824
BMI	1.095.914	365.277
GVR	16.624.582	5.607.961
PHR	1.948.472	657.754
MSN	30.244.929	10.403.912
CDC	1.974.127	715.268

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BKC	263.254	83.776
IDC	7.865.503	2.657.705
TNG	5.676.044	2.059.199
TD6	292.933	108.465
CTP	186.601	84.235
NSH	240.300	108.539
BTS	159.141	73.827
VC7	1.877.178	948.842
TTH	574.836	296.492
NDN	1.530.093	805.349

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DDB	189.000	53.838
ALV	329.522	107.113
CLX	534.172	198.005
HD6	182.200	90.554
CTX	480.270	257.239
C4G	5.512.716	3.171.730
G36	2.119.969	1.362.032
DRI	2.001.749	1.532.837
GDA	270.813	227.992
FOX	249.062	216.659

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.676,0		25,5	2,5	9,5
SSI	2.819,5	59,5	23,8	2,6	11,4
VIX	1.708,0	87,2	21,0	2,5	12,4
VND	1.430,8	82,6	24,8	1,9	7,6
VCI	1.264,7	71,5	33,5	2,7	7,8
HCM	1.157,1	10,4	24,5	3,0	8,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	522,6		13,6	1,6	12,4
BVH	1.517,1	21,9	16,2	1,7	10,6
PVI	567,2	42,4	15,4	1,7	12,0
BIC	218,9	5,4	10,5	1,9	18,5
VNR	162,9	22,7	13,5	1,1	8,2
MIG	147,1	83,8	12,3	1,6	12,6

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.551,7		27,4	4,4	19,2
ACV	9.101,0	46,0	24,2	3,7	16,2
MVN	2.739,9	0,0	46,7	5,4	12,1
GEX	2.064,5	41,9	34,4	3,7	11,1
VEA	1.996,9	47,6	7,0	1,8	26,6
GEE	1.856,1	49,6	24,7	7,2	29,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.497,2		20,2	4,0	24,3
VNM	4.900,9	51,0	15,0	4,1	26,6
MCH	4.592,6	34,0	12,7	7,1	50,1
MSN	4.520,9	74,7	44,0	3,7	9,2
SAB	2.357,2	41,1	15,1	2,9	17,5
PNJ	1.114,5	0,1	14,1	2,4	18,2

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.224,9		-257,2	1,3	5,0
BSR	2.618,6	48,7	-1.383,2	1,2	-0,1
PLX	1.838,6	3,5	23,8	1,9	7,9
PVS	681,6	36,9	14,1	1,3	9,3
OIL	498,0	0,8	43,4	1,2	2,9
PVD	487,5	44,6	16,1	0,8	5,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.150,0		19,0	2,2	12,9
GAS	6.288,6	47,1	13,7	2,5	19,4
REE	1.402,4	0,0	15,4	1,9	12,6
POW	1.348,4	45,9	24,2	1,1	4,5
PGV	865,3	50,0	21,6	1,5	7,2
DNH	845,6	0,0	20,3	4,3	20,8

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	7.642,8		60,5	2,2	10,7
VIC	16.839,5	44,1	32,3	3,1	9,9
VHM	14.643,6	39,6	13,4	1,8	14,8
BCM	2.790,2	31,8	20,2	3,5	18,2
VRE	2.543,0	30,6	15,2	1,5	10,4
NVL	1.397,9	37,7	221,4	0,9	0,5

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.911,2		12,1	1,8	16,3
VCB	19.912,7	8,0	15,1	2,4	17,2
BID	10.762,6	12,5	10,9	1,8	17,6
TCB	10.200,0	0,0	12,5	1,7	14,3
CTG	9.726,0	3,1	8,5	1,6	20,0
VPB	8.954,6	4,2	13,5	1,6	12,2

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.492,7		34,3	-1,3	-11,1
VPL	5.743,8	48,9	57,0	4,8	0,0
MWG	4.064,5	0,1	21,8	3,6	17,0
HVN	3.877,3	21,0	8,6	-27,0	-107,2
VJC	2.797,2	22,1	36,2	3,1	9,9
FRT	980,5	15,8	47,7	9,0	24,9

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.497,2		20,2	4,0	24,3
HPG	4.900,9	26,7	15,0	4,1	26,6
GVR	4.592,6	12,3	12,7	7,1	50,1
DGC	4.520,9	34,4	44,0	3,7	9,2
KSV	2.357,2	0,0	15,1	2,9	17,5
MSR	1.114,5	100,0	14,1	2,4	18,2

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.224,9		-257,2	1,3	5,0
DHG	2.618,6	46,1	-1.383,2	1,2	-0,1
IMP	1.838,6	27,4	23,8	1,9	7,9
DVN	681,6	0,0	14,1	1,3	9,3
DBD	498,0	84,4	43,4	1,2	2,9
TRA	487,5	2,7	16,1	0,8	5,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.150,0		19,0	2,2	12,9
FPT	6.288,6	9,9	13,7	2,5	19,4
CMG	1.402,4	13,4	15,4	1,9	12,6
SAM	1.348,4	48,5	24,2	1,1	4,5
SGT	865,3	-5,5	21,6	1,5	7,2
ELC	845,6	45,8	20,3	4,3	20,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

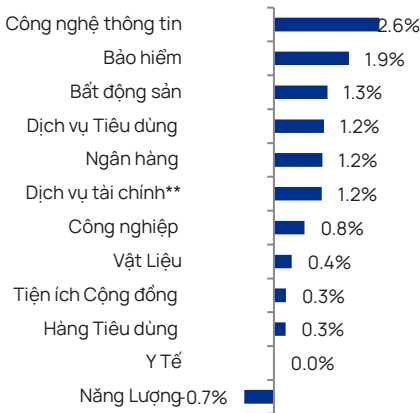
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

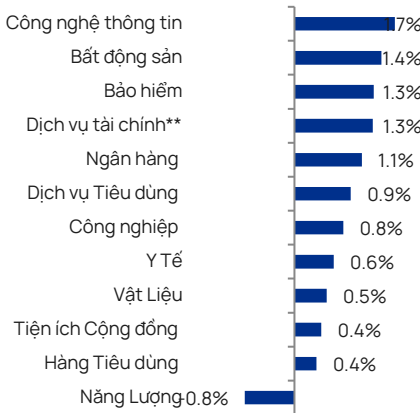


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

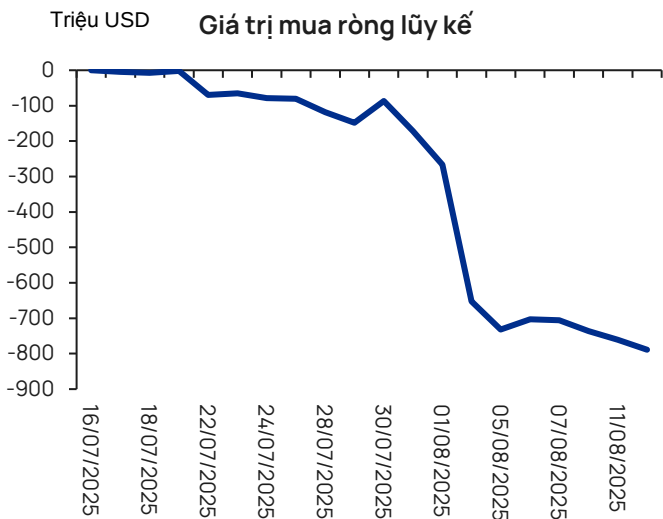


Sàn giao dịch chứng khoán

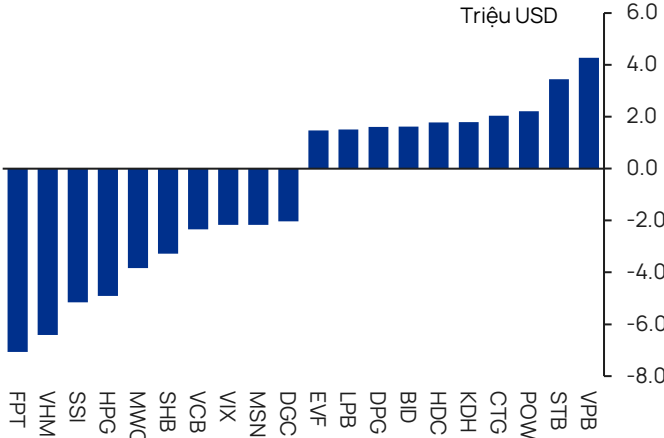
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

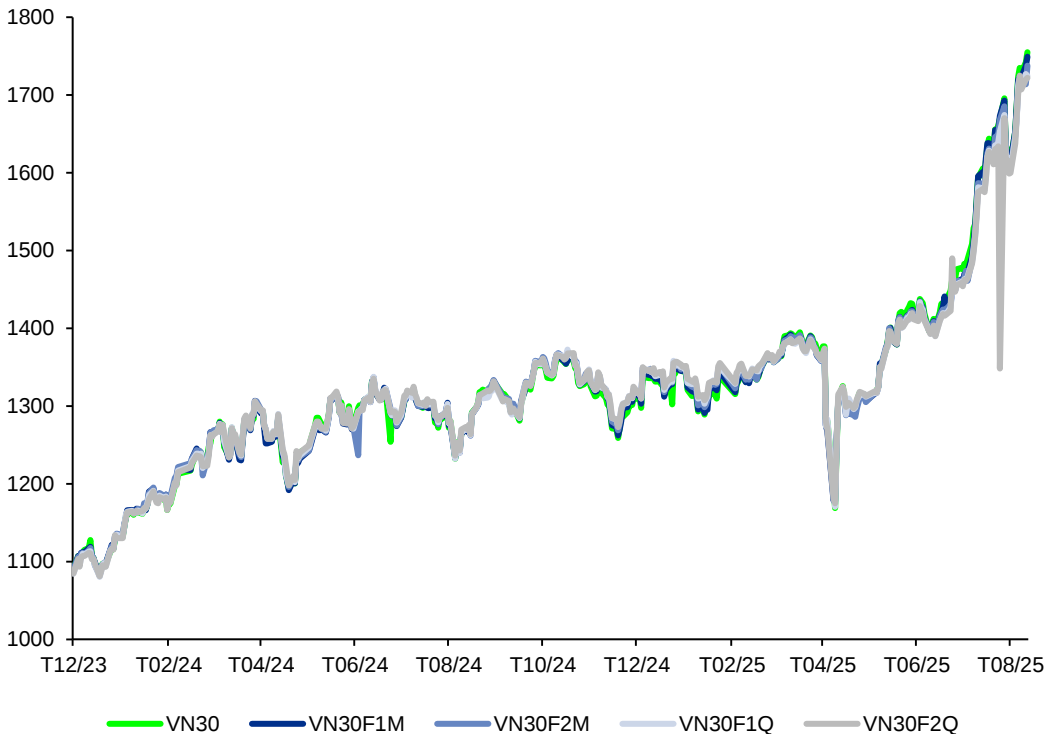


Nguồn: HSX, HNX, Fiiipro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
41IF8000	1.749,4	11,9	0,7%	-5,8
VN30F2509	1.737,9	23,9	1,4%	-17,3
VN30F2512	1.724,6	-2,4	-0,1%	-30,7
41IG3000	1.722,0	2,0	0,1%	-33,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
41IF8000	54.583	2,8%	222,16	-13,3%
VN30F2509	4.877	2,9%	1,15	24,4%
VN30F2512	554	-1,8%	0,09	-13,1%
41IG3000	114	-11,6%	0,11	-10,9%

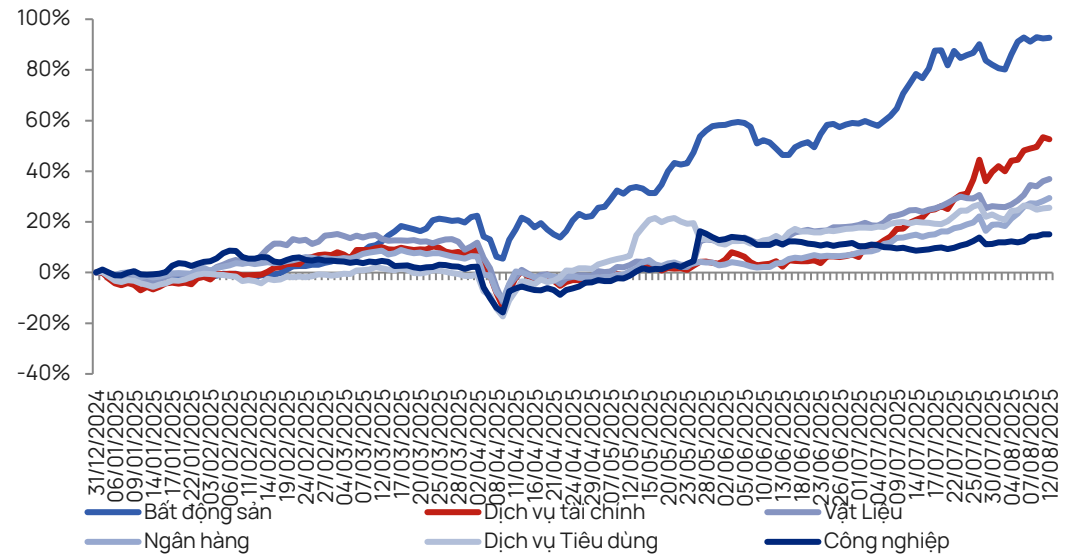


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

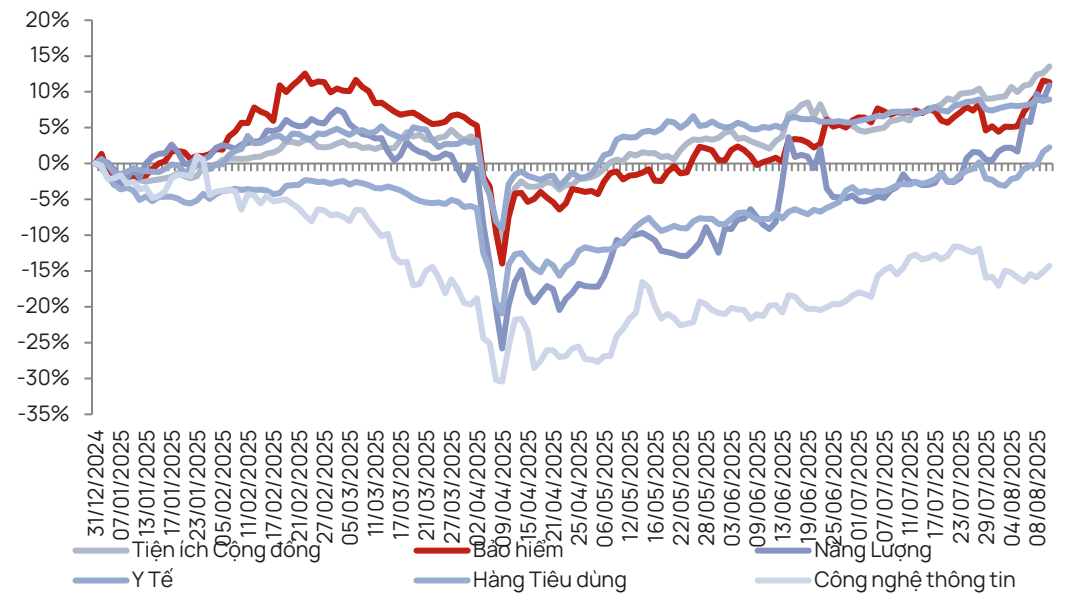
Ghi chú: VN30F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
VN30F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
VN30F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
VN30F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



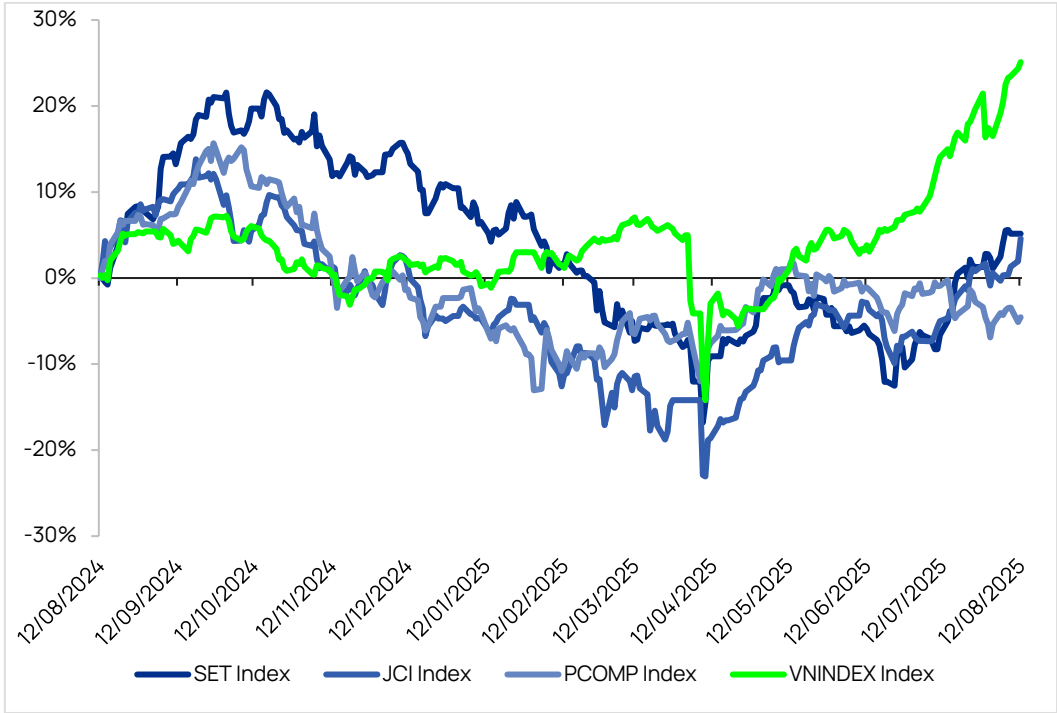
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



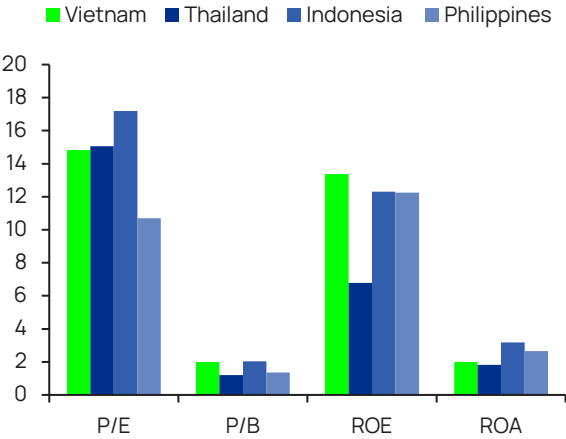
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,1	17,2	10,7	14,8
P/B	1,2	2,0	1,4	2,0
ROE (%)	6,8	12,3	12,2	13,4
ROA (%)	1,8	3,2	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	489,8	834,7	158,8	261,4
GTGD trung bình, tr USD	1.257,7	685,8	79,1	690,2
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-1.696,4	-3.693,2	-612,7	-1.828,9
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	55,2	88,0	18,6	(26,0)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,26%	5,94%	5,73%	2,78%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách
hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com
.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.